

CÔNG TY CỔ PHẦN
THỰC PHẨM BÍCH CHI
Số *04* /BC.HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI**

Trụ sở chính: 45x1 Nguyễn Sinh Sắc, Phường 2, TP.SaĐéc, Đồng Tháp

Điện thoại: 0277.386.1910

Fax: 0277.3864.674

Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Thanh Bình

Địa chỉ: 45x1 Nguyễn Sinh Sắc, Phường 2, TP. SaĐéc, Đồng Tháp

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng):

+ Di động : 0918.301.759 + Cơ quan : 0277.3861910 + Nhà riêng : 028.38225.502

Fax: 0277.3864674

Loại thông in công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố:

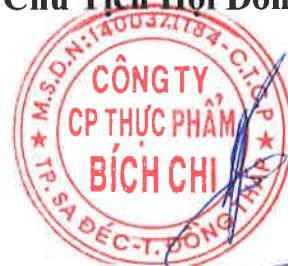
- Báo cáo tài chính quý 1 năm 2019 kèm theo Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019 giảm so với cùng kỳ năm 2018.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày *19* tháng 4 năm 2019

Người thực hiện công bố thông tin

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị



Phạm Thanh Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

45X1 - NGUYỄN SINH SẮC - PHƯỜNG 2

THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

MÃ SỐ THUẾ: 1400371184

-----oOo-----

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÍ I NĂM 2019

- Bảng cân đối kế toán
- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Bảng thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số: B01-DN

Mẫu số: B02-DN

Mẫu số: B03-DN

Mẫu số: B09-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

QUÍ I 2019

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		181,274,933,852	188,698,753,292
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	19,250,120,178	27,993,280,663
111	1. Tiền		14,750,120,178	14,493,280,663
112	2. Các khoản tương đương tiền		4,500,000,000	13,500,000,000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		20,750,000,000	15,750,000,000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2.1	20,750,000,000	15,750,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		66,442,396,978	65,413,412,628
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	57,103,747,095	60,289,886,804
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	8,863,729,037	4,500,909,075
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	789,277,757	936,973,660
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.6	(314,356,911)	(314,356,911)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	69,968,026,017	75,325,816,698
141	1. Hàng tồn kho		69,968,026,017	75,325,816,698
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4,864,390,679	4,216,243,303
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.11.1	168,021,848	435,472,797
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		4,511,293,869	3,670,577,044
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	185,074,962	110,193,462
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		92,213,304,675	91,710,619,730
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		-	-
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
214	4. Phải thu dài hạn nội bộ		-	-
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		-	-
216	1. Phải thu dài hạn khác		-	-
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	II. Tài sản cố định		74,104,497,252	76,395,748,740
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	73,843,372,246	76,124,248,735
222	- Nguyên giá		183,459,433,077	180,770,933,077
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(109,616,060,831)	(104,646,684,342)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	- Nguyên giá		-	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	261,125,006	271,500,005
228	- Nguyên giá		354,500,000	354,500,000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(93,374,994)	(82,999,995)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
231	- Nguyên giá		-	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		11,040,357,040	9,122,515,112
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	11,040,357,040	9,122,515,112
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		5,109,341,636	4,459,341,636
251	1. Đầu tư vào công ty con	V.2.2	5,109,341,636	4,459,341,636
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	-
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
260	VI. LỢI THỂ THƯƠNG MẠI		1,959,108,747	1,733,014,242
261	VI. Tài sản dài hạn khác		1,876,558,747	1,650,464,242
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11.2	1,876,558,747	1,650,464,242
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		82,550,000	82,550,000
268	4. Tài sản dài hạn khác		-	-
269	3. Lợi thể thương mại	V.12	-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		273,488,238,527	280,409,373,022

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		78,296,281,724	93,006,764,306
310	I. Nợ ngắn hạn		78,296,281,724	93,006,764,306
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	10,733,688,394	14,396,882,055
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	5,437,140,160	3,326,714,459
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	1,982,043,684	2,709,587,680
314	4. Phải trả người lao động	V.15	3,211,534,523	7,127,638,142
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	-
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.16	1,439,190,767	9,791,491,677
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.17	50,509,114,218	50,545,530,315
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	V.17	-	-
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.18	4,983,569,978	5,108,919,978
323	13. Quỹ bình ổn giá		-	-
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
330	II. Nợ dài hạn			
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
333	3. Chi phí phải trả dài hạn		-	-
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		-	-
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn		-	-
336	4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	-
337	5. Phải trả dài hạn khác		-	-
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	-
339	9. Trái phiếu chuyển đổi		-	-
340	10. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
341	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
342	8. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		195,191,956,803	187,402,608,716
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.19	195,191,956,803	187,402,608,716
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		171,343,870,000	171,343,870,000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		171,343,870,000	171,343,870,000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		1,402,422,268	1,402,422,268
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1,680,130,939	1,680,130,939
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		20,765,533,596	12,976,185,509
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		12,976,185,509	558,614,607
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		7,789,348,087	12,417,570,902
422	12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
429	7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	E. LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		273,488,238,527	280,409,373,022

Người lập biểu



NGUYỄN LÝ NGỌC HẠNH

Kế toán trưởng



TRẦN VĂN THIỆU



Đồng Tháp, ngày 18 tháng 04 năm 2019.

Tổng Giám Đốc

PHẠM THANH BÌNH



Đơn vị: CTY CP THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 - Nguyễn Sinh Sắc - TP SaĐéc - Đồng Tháp

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÍ I NĂM 2019

ĐVT: Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	Lũy kế từ đầu năm	
				Năm nay	Năm trước
1		2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	120,000,726,583	117,100,560,985	120,000,726,583	117,100,560,985
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	2,466,340,293	2,409,795,706	2,466,340,293	2,409,795,706
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	117,534,386,290	114,690,765,279	117,534,386,290	114,690,765,279
4. Giá vốn hàng bán	11	93,689,996,692	84,850,085,021	93,689,996,692	84,850,085,021
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20	23,844,389,598	29,840,680,258	23,844,389,598	29,840,680,258
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	203,585,529	185,442,749	203,585,529	185,442,749
Trong đó: + Thu lãi tiền gửi		118,893,063	185,442,749	118,893,063	185,442,749
+ Chênh lệch lãi tỷ giá ngoại tệ		84,692,466		84,692,466	0
7. Chi phí tài chính	22	505,456,239	449,764,891	505,456,239	449,764,891
Trong đó: + Chi phí lãi vay	23	442,155,649	378,087,232	442,155,649	378,087,232
+ Chênh lệch lỗ tỷ giá ngoại tệ		63,300,590	71,677,659	63,300,590	71,677,659
8. Chi phí bán hàng	24	9,354,433,191	8,237,558,267	9,354,433,191	8,237,558,267
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	4,566,110,568	4,390,924,010	4,566,110,568	4,390,924,010
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30	9,621,975,129	16,947,875,839	9,621,975,129	16,947,875,839
11. Thu nhập khác	31	185,976,535	181,871,790	185,976,535	181,871,790
12. Chi phí khác	32	3,064,573	150,036	3,064,573	150,036
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	182,911,962	181,721,754	182,911,962	181,721,754
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	9,804,887,091	17,129,597,593	9,804,887,091	17,129,597,593
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1,961,539,004	3,425,919,519	1,961,539,004	3,425,919,519
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	7,843,348,087	13,703,678,074	7,843,348,087	13,703,678,074
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	458	1,048	458	1,048

Người lập biểu

Nguyễn Lý Ngọc Hạnh

Kế toán trưởng

Trần Văn Thiệu



PHẠM THANH BÌNH



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
 QUÍ I NĂM 2019

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		124,554,123,249	117,874,076,409
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(81,820,252,284)	(78,086,286,704)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(16,791,746,788)	(15,319,224,022)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(442,155,649)	(378,087,232)
5. Tiền thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(2,231,775,119)	(2,674,336,379)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3,567,542,811	639,553,910
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(10,497,835,671)	(10,277,000,161)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16,337,900,549	11,778,695,821
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21		(4,819,402,095)	(1,324,224,978)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10,250,000,000)	(9,239,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		14,250,000,000	14,900,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(650,000,000)	(705,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		118,893,063	104,462,069
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1,350,509,032)	3,736,237,091
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của Doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		39,124,744,323	22,512,222,040
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(38,352,360,420)	(41,081,969,335)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15,502,935,905)	(51,900,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14,730,552,002)	(18,621,647,295)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		256,839,515	(3,106,714,383)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		14,493,280,663	18,160,554,275
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	VII.34	14,750,120,178	15,053,839,892

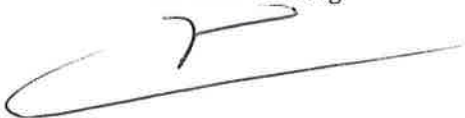
Đồng Tháp, ngày 18 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu



Nguyễn Lý Ngọc Hạnh

Kế Toán Trưởng



Trần Văn Thiệu



Phạm Thanh Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp. Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho quý 1/2019 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 1 năm 2019

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất chế biến lương thực thực phẩm;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại thực phẩm, đường, sữa, các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, thủy sản;
- Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, thủy sản;
- Kinh doanh phòng trọ;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Mua bán rượu bia, nước hoa quả, nước ngọt, nước tinh khiết;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào sản xuất trong nước;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu trừ gỗ, tre, nứa và động vật sống;
- Mua bán mỹ phẩm, chất tẩy rửa các loại, dụng cụ nhà bếp, bếp gas;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng các bộ phận phụ trợ của mô tô xe máy;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất chế biến lương thực thực phẩm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong quý ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ.

6. Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
-------------	----------------------	----------------------------	---------------	---------------	------------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi 2	Cụm Công nghiệp Cái Tàu Hạ - An Nhơn, Thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất chế biến lương thực thực phẩm	100%	100%	100%

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý Công ty có 738 nhân viên đang làm việc (số đầu quý là 776 nhân viên).

II. QUÍ TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Quý tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 quý 2014 của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 quý 2014 của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Chứng từ ghi sổ (trên máy vi tính).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Doanh nghiệp có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Doanh nghiệp nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 quý đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 quý đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất của công ty là quyền sử dụng lâu dài không khấu tính hao.

Phần mềm kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chi phí liên quan đến phần mềm kế toán không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm chủ yếu là: bánh phồng tôm, bột đậu, mì, hủ tiếu...

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong kỳ bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

16. Chi phí tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá cuối kỳ.

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 03 năm 2019 được xác định theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, tỷ giá 23.150 VNĐ/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, tỷ giá 23.150 VNĐ/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, tỷ giá 23.250 VNĐ/USD.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐƠN VỊ TÍNH: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối quý	Số đầu quý
Tiền mặt	151.453.549	233.874.954
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.098.666.629	14.259.405.709
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	20.750.000.000	13.500.000.000
Cộng	40.000.120.178	27.993.280.663

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối quý		Số đầu quý	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	20.750.000.000	20.750.000.000	15.750.000.000	15.750.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng trở lên	20.750.000.000	20.750.000.000	15.750.000.000	15.750.000.000
Cộng	20.750.000.000	20.750.000.000	15.750.000.000	15.750.000.000

2.2 Đầu tư vào công ty con

	Số cuối quý			Số đầu quý		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Số cuối quý			Số đầu quý		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý ^(*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý ^(*)	Dự phòng
- Công ty TNHH Thực phẩm Bích Chi 2	5.109.341.636	5.109.341.636	-	4.459.341.636	4.459.341.636	-
Cộng	5.109.341.636	5.109.341.636	-	4.459.341.636	4.459.341.636	-

Ngành nghề hoạt động chính của Công ty TNHH Thực phẩm Bích Chi 2 là sản xuất và kinh doanh các mặt hàng thực phẩm. Tại ngày 31 tháng 03 quý 2019, tỷ lệ lợi ích/quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH Thực phẩm Bích Chi 2 là 100% (tỷ lệ tại thời điểm đầu quý là 0%).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối quý	Số đầu quý
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	57.103.747.095	60.289.886.804
-Liên hiệp HTX TM Tp.Hồ Chí Minh	3.051.406.224	7.570.780.296
-Công ty QUINWORTH RESO	3.768.927.305	4.418.784.657
-Công ty TNHH Flying Trade	2.604.498.600	2.662.940.775
-Các khách hàng khác	47.678.914.966	45.637.381.076
Cộng	57.103.747.095	60.289.886.804

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu quý
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	8.863.729.037	4.500.909.075
-Doanh nghiệp tư nhân Diệp Minh Nhứt	6.378.900.000	1.058.750.000
-Các nhà cung cấp khác	2.484.829.037	3.442.159.075
Cộng	8.863.729.037	4.500.909.075

5. Phải thu khác ngắn hạn

	Số cuối quý		Số đầu quý	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các đối tượng khác</i>	663.624.207	-	936.973.660	-
- Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	26.915.277	-	392.217.360	-
- Các khoản bảo hiểm phải thu	213.753.217	-	206.537.200	-
- Thuế TNCN phải thu lại của người lao động	305.955.713	-	221.219.100	-
- Tạm ứng	87.000.000	-	87.000.000	-
- Các khoản phải thu khác	30.000.000	-	30.000.000	-
Cộng	663.624.207	-	936.973.660	-

6. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối quý		Số đầu quý	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Phải thu của khách hàng</i>				
Khách hàng quá hạn từ 1 đến 2 quý				
Khách hàng quá hạn từ 2 quý đến 3 quý	314.356.911	-	314.356.911	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Cộng	Số cuối quý		Số đầu quý	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	314.356.911	-	314.356.911	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Quý này	Quý trước
Số đầu quý	(314356.911)	(215.725.818)
Trích lập dự phòng bổ sung		(124.522.765)
Hoàn nhập dự phòng		25.891.672
Số cuối quý	(314.356.911)	(314.356.911)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối quý		Số đầu quý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
-Nguyên liệu, vật liệu	43.829.460.296	-	43.310.162.864	-
-Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	14.793.671.964	-	24.507.971.434	-
-Thành phẩm	10.640.414.583	-	7.227.398.484	-
-Hàng gửi đi bán	704.479.174	-	280.283.916	-
Cộng	69.968.026.017	-	75.325.816.698	-

(*) Chủ yếu là các thành phẩm chờ đóng gói bao bì

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu quý	64.909.566.833	111.284.657.021	4.254.609.223	322.100.000	180.770.933.077
Tăng trong quý		2.688.500.000	-	-	2.688.500.000
Tăng do mua mới		2.688.500.000	-	-	2.688.500.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành					
Giảm trong quý					
Thanh lý, nhượng bán					
Số cuối quý	64.909.566.833	113.973.157.021	4.254.609.223	322.100.000	183.459.433.077
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	11.654.625.995	23.511.825.413	1.175.165.952	61.000.000	36.402.617.360
Giá trị hao mòn					
Số đầu quý	35.560.849.818	65.892.757.675	3.041.530.176	151.546.673	104.646.684.342
Khấu hao trong quý	1.246.607.557	3.602.612.702	107.101.230	13.055.000	4.969.376.489
Thanh lý, nhượng bán					
Số cuối quý	36.807.457.375	69.495.370.377	3.148.631.406	164.601.673	109.616.060.831
Giá trị còn lại					
Số đầu quý	29.348.717.015	45.391.899.346	1.213.079.047	170.553.327	76.124.248.735

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền đẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số cuối quý^(*)	28.102.109.458	44.477.786.644	1.105.977.817	157.498.327	73.843.372.246

^(*) Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại cuối kỳ theo sổ sách là 73.843.372.246 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (xem tại thuyết minh mục V.17).

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất ^(*)	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu quý	230.000.000	124.500.000	354.500.000
Mua trong quý	-	-	-
Giảm trong quý	-	-	-
Số cuối quý	230.000.000	124.500.000	354.500.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu quý	-	82.999.995	82.999.995
Khấu hao trong quý	-	10.374.999	10.374.999
Giảm trong quý	-	-	-
Số cuối quý	-	93.374.994	93.374.994
Giá trị còn lại			
Số đầu quý	230.000.000	41.500.005	271.500.005
Số cuối quý	230.000.000	31.125.006	261.125.006

^(*) Tài sản cố định vô hình là Giá trị Quyền sử dụng Quyền sử dụng đất đất tại đường số 7A, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Tp Hồ Chí Minh do UBND Tp Hồ Chí Minh cấp ngày 05/04/2004. Quyền sử dụng này hiện đang được thế chấp tại Hợp đồng vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – PGD Sa Đéc (Xem thuyết minh tại V.17).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu quý	Chi phí phát sinh trong quý	Kết chuyển vào TSCĐ trong quý	Số cuối quý
Mua sắm tài sản cố định	7.604.498.574			7.604.498.574
- Thiết bị sản xuất nui	536.700.500	-	-	536.700.500
- Quyền sử dụng đất (*)	6.491.764.767	-	-	6.491.764.767
- Máy tráng nem mới	-	-	-	-
- Các thiết bị khác	576.033.307	-	-	576.033.307
Xây dựng cơ bản dở dang	1.518.015.538	1.917.841.928		3.435.858.466
- Máy sấy bánh tráng	-	388.950.455	-	388.950.455
- Máy sấy số 4	-	446.478.000	-	446.478.000
- Máy sấy số 1	-	503.287.000	-	503.287.000
- Máy tráng hủ tiêu phở 3	-	433.086.475	-	433.086.475
- Máy tráng nem số 01	727.197.272	-	-	727.197.272
- Công trình VPĐD	-	-	-	-
- Gia công máy đùn bún gạo	594.163.820	-	-	594.163.820

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Số đầu quý	Chi phí phát sinh trong quý	Kết chuyển vào TSCĐ trong quý	Số cuối quý
- Công trình khác	196.655.446	146.040.000		342.695.446
Cộng	10.153.989.609	1.917.841.928		11.040.357.040

(*) Quyền sử dụng đất đất tại Khu dân cư trung tâm thương mại xã Tân Nhựt, Huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh. Công ty mới thanh toán 95% cho nhà cung cấp. Công ty đang làm các thủ tục cần thiết để quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của Công ty.

11. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**11.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

Tình hình biến động:	Quý này	Quý này năm trước
- Số đầu quý	435.472.797	14.699.417
- Tăng trong quý	23.100.000	1.150.594.724
- Phân bổ trong quý	(290.550.949)	(729.821.344)
Số cuối quý	168.021.848	435.472.797

11.2 Chi phí trả trước dài hạn

Tình hình biến động:	Quý này	Quý này năm trước
- Số đầu quý	1650.454.242	1.178.025.069
- Tăng trong quý	634.483.090	1.711.158.491
- Phân bổ trong quý	(408.388.585)	(1.238.719.318)
Số cuối quý	1.876.558.747	16.50.464.242

Chi tiết số dư cuối quý:	Số cuối quý	Số đầu quý
- Công cụ dụng cụ	1.876.558.747	1054.281.604
Cộng	1.876.558.747	1.054.281.604

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu quý
Phải trả cho các bên liên quan		-
Phải trả cho các khách hàng khác	8.863.729.037	14.396.882.055
- Công ty TNHH SX TM Tân Tiến-Phát Tài	1.672.184.866	2.845.830.859
- Mai Văn Dũng	-	-
- Công ty TNHH Ngân Khoa	1.219.350.000	1.336.500.000
- Các đối tượng khác	5.972.194.171	10.214.551.196
Cộng	8.863.729.037	14.396.882.055

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu quý
Người mua trả trước của các bên liên quan		-
Người mua trả trước của các khách hàng khác	5.437.140.160	3.326.714.459
- Công ty TNHH IFX (UK)	555.897.375	555.897.375
- Công ty TNHH MTV Viên Ly An	0	424.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu quý</u>
- P.D.JAYA ABADI	396.604.210	396.604.210
- Các đối tượng khác	4.484.638.575	1.949.612.874
Cộng	<u>5.437.140.160</u>	<u>3.326.714.459</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu quý</u>		<u>Số phát sinh trong quý</u>		<u>Số cuối quý</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
- Thuế GTGT hàng nội địa	-	110.193.462			-	110.193.462
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-			-	-
- Thuế nhập khẩu	-	-			-	-
- Thuế TNDN	2.231.775.119	-	1.961.539.004	2.231.775.119	1.961.539.004	-
- Thuế TNCN	477.812.561	-	238.099.010	770.288.391		54.376.820-
- Thuế tài nguyên	-	-	19.273.360	19.273.360	-	-
- Thuế đất	-	-			-	-
- Phí, lệ phí, khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	<u>2.709.587.680</u>	<u>110.193.462</u>	<u>2.221.911.374</u>	<u>3.024.336.870</u>	<u>1.961.539.004</u>	<u>164.570.282</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Chi cục Hải quan.

Thuế đất

Công ty đóng thuế sử dụng đất hàng quý theo thông báo của cơ quan thuế địa phương.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Quý này</u>	<u>Quý này năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.804.887.091	17.129.597.593
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.807.928	0
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	9.807.695.019	17.129.597.593
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.961.539.004	3.425.919.519
Thuế TNDN truy thu của các quý trước	-	-
Thuế TNDN phải nộp trong kỳ	<u>1.961.539.004</u>	<u>3.353.889.638</u>

15. Phải trả người lao động

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Là khoản tiền lương tháng 12, thường cuối quý 2018 phải trả cho cán bộ công nhân viên.

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu quý</u>
<i>Phải trả cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả cho các đối tượng khác</i>	1.329.556.767	9.791.491.677
- Kinh phí công đoàn	854.357.537	854.357.537
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	456.674.530	8.937.134.140
Cộng	1.329.556.767	9.791.491.677

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>		<u>Số đầu quý</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	50.509.114.218	50.509.114.218	50.545.530.315	50.545.530.315
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – PGD Sa Đéc ⁽¹⁾	47.534.774.933	47.534.774.933	50.174.030.315	50.174.030.315
- Ngân hàng Hongleong– CN Tp.HCM ⁽²⁾	2.899.539.285	2.899.539.285	-	-
- Vay nhân viên công ty ⁽³⁾	74.800.000	74.800.000	371.500.000	371.500.000
Cộng	50.509.114.218	50.509.114.218	50.545.530.315	50.545.530.315

⁽¹⁾ Là khoản vay theo Hợp đồng cấp tín số 48/2018/NHNT.ĐT ngày 21/02/2018, hạn mức 100.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ, tài sản đảm bảo gồm nhà xưởng sản xuất và văn phòng làm việc và quyền sử dụng đất tại đường số 7A, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Tp Hồ Chí Minh do UBND Tp Hồ Chí Minh cấp ngày 05/04/2004.

⁽²⁾ Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số số 01/2017-HĐCVHM/NHCT908-BICHCHI ngày 22/08/2017. Hạn mức vay là 3.500.000,00 USD. Thời hạn duy trì khoản vay đến 15/07/2018. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ.

⁽³⁾ Là khoản vay cán bộ công nhân viên của công ty, mục đích bổ sung vốn lưu động, khoản tiền lãi này được trả một lần vào cuối quý.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu quý</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong quý</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong quý</u>	<u>Số cuối quý</u>
- Vay ngắn hạn ngân hàng	50.174.030.315	39.017.044.323	38.756.760.420	50.434.314.218
- Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	371.500.000	107.700.000	404.400.000	74.800.000
Cộng	50.545.530.315	39.124.744.323	39.161.160.420	50.509.114.218

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu quý</u>	<u>Tăng trong quý</u>	<u>Giảm trong quý</u>	<u>Số cuối quý</u>
Quỹ khen thưởng	3.938.817.713		53.000.000	3.885.817.713
Quỹ phúc lợi	1.170.102.265		72.350.000	1.097.752.265
Cộng	5.108.919.978	-	125.350.000	4.983.569.978

19. Vốn chủ sở hữu

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế phân phối	Cộng
1. Số dư đầu quý trước	171.343.870.000	1.402.422.268	1.680.130.939	13.554.356.863	187.980.780.070
2. Tăng trong quý trước					
- Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh				10.704.014.297	10.704.014.297
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Giảm trong quý trước					
- Phân phối lợi nhuận				(11.282.185.651)	(11.282.185.651)
- Giảm khác					
4. Số dư cuối quý trước, đầu quý này	171.343.870.000	1.402.422.268	1.680.130.939	12.976.185.509	187.402.608.716
5. Tăng trong quý					
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu ^(*)					
- Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh trong quý				7.789.348.087	7.789.348.087
6. Giảm trong quý					
- Phân phối lợi nhuận ^(*)					
- Giảm khác					
7. Số dư cuối quý	171.343.870.000	1.402.422.268	1.680.130.939	20.765.533.596	195.191.956.803

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Số cuối quý	Tỷ lệ (%)	Số đầu quý
- Phạm Thanh Bình	14,20	24.337.080.000	14	24.337.080.000
- Bùi Văn Sáu	10,01	17.148.100.000	10	17.148.100.000
- Nguyễn Hương Liên	9,73	16.663.200.000	10	16.663.200.000
- Trần Văn Nghị	7,02	12.024.050.000	7	12.024.050.000
- Trang Sĩ Đức	5,55	9.508.620.000	7	12.008.620.000
- Trần Thị Nhự	5,91	10.132.090.000	6	10.132.090.000
- Vũ Văn Hải	5,96	10.218.000.000	6	10.218.000.000
- Các cổ đông khác	41,62	71312.730.000	40	68.812.730.000
Cộng	100	171.343.870.000	100	171.343.870.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	171.343.870.000
Vốn điều lệ đã góp:	171.343.870.000
Vốn điều lệ còn phải góp:	-

19c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Quý này	Quý này năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu quý	171.343.870.000	130.797.230.000
+ Vốn góp tăng trong quý	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	<u>Quý này</u>	<u>Quý này năm trước</u>
+ Vốn góp giảm trong quý	-	-
+ Vốn góp cuối quý	171.343.870.000	130.797.230.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

19d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu quý</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	17.134.387	17.134.387
- Cổ phiếu phổ thông	17.134.387	17.134.387
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.134.387	17.134.387
- Cổ phiếu phổ thông	17.134.387	17.134.387
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000/CP	10.000/CP

19e. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu dùng để bổ sung vốn điều lệ, xử lý các khoản nợ khó đòi.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**a. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu quý</u>
Dollar Mỹ (USD)	426.494,99	276.008,22

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối quý</u>		<u>Số đầu quý</u>	
	Ngoại tệ (USD)	Số tiền	Ngoại tệ (USD)	Số tiền
- Royal Foods – Paris	33.032	706.224.160	33.032	-
- S & B Herba Foods Limited-UK	30.213	645.953.940	30.213	645.953.940
- Good Life Handels GMBH-Germany	30.132	644.222.160	30.132	644.222.160
- Trans Actions Sarl - Senegal	27.000	577.260.000	27.000	577.260.000
- Kim Sun Trading Co., Ltd-UK	24.600	394.362.600	24.600	394.362.600
- Link Korea Co., Ltd-Korea	11.382,41	243.355.926	11.382,41	243.355.926
- All in One Solution Limited-Canada	15.927,60	241.304.038	15.927,60	241.304.038
- Saigon Sairopa Deutschland GMBH	6.120	130.845.600	6.120	130.845.600
- Các khách hàng nước ngoài khác	18.277,69	292.325.476	18.277,69	292.325.476
- Các khách hàng nội địa khác	-	274.958.820	-	274.958.820

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Số cuối quý		Số đầu quý	
	Ngoại tệ (USD)	Số tiền	Ngoại tệ (USD)	Số tiền
Cộng	196.684,70	4.150.812.720	196.684,70	4.150.812.720

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐƠN VỊ TÍNH: VND)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý này	Quý này năm trước
- Doanh thu bán thành phẩm	119.602.503.541	116.770.706.761
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	398.223.042	329.854.224
Cộng	120.000.726.583	117.100.560.985

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý này	Quý này năm trước
- Chiết khấu thương mại	2.436.625.412	2.289.193.868
- Hàng bán bị trả lại	29.714.881	120.601.838
Cộng	2.466.340.293	2.409.795.706

3. Giá vốn hàng bán

	Quý này	Quý này năm trước
- Giá vốn của thành phẩm	93.638.327.578	84.798.415.907
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	51.669.114	51.669.114
Cộng	93.689.996.692	347.883.341.537

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý này	Quý này năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	118.893.063	104.462.069
- Lãi chênh lệch tỷ giá	84.692.466	80.980.680
Cộng	203.585.529	185.442.749

5. Chi phí tài chính

	Quý này	Quý này năm trước
- Chi phí lãi vay	442.155.649	378.087.232
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	63.300.590	71.677.659
Cộng	505.456.239	449.764.891

6. Chi phí bán hàng

	Quý này	Quý này năm trước
- Chi phí cho nhân viên	541.944.450	412.302.325
- Chi phí khấu hao	107.010.232	121.010.232
- Chi phí mua ngoài	7.390.495.975	6.766.109.947
- Chi phí khác	1.314.982.534	938.135.763
Cộng	9.354.433.191	8.237.558.267

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý này</u>	<u>Quý này năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	2.371.048.259	2.329.560.008
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.204.618.915	1.065.655.112
- Chi phí khác	990.443.394	995.708.890
Cộng	<u>4.566.110.568</u>	<u>4.390.924.010</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Quý này</u>	<u>Quý này năm trước</u>
- Xử lý tài sản thừa trong quý	0	0
- Thu nhập khác	185.976.535	181.871.790
Cộng	<u>185.976.535</u>	<u>181.871.790</u>

9. Chi phí khác

	<u>Quý này</u>	<u>Quý này năm trước</u>
- Xử lý tài sản thiếu do kiểm kê trong quý	0	0
- Chi phí khác	3.064.573	150.036
Cộng	<u>3.064.573</u>	<u>150.036</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**10.a Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Quý này</u>	<u>Quý này năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.843.384.087	13.703.678.074
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích Quỹ khen thưởng Phúc lợi (*)	-	
- Trích thù lao HĐQT, BKS	(54.000.000)	(54.000.000)
- Trích quỹ từ thiện	-	
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.789.348.087	13.649.678.074
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong quý (CP) (**)	17.134.387	13.079.723
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	<u>454,6</u>	<u>1.044</u>

(**) Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong quý (CP) được tính như sau:

	<u>Số lượng CP phổ thông lưu hành</u>	<u>Số ngày lưu hành</u>
Từ ngày 01/01 đến 31/03/2019	17.134.387	120
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong quý (CP)	<u>17.134.387</u>	

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

11.a Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Quý nay</u>	<u>Quý trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.843.384.087	13.703.678.074
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích Quỹ khen thưởng Phúc lợi	-	
- Trích thù lao HĐQT, BKS	(54.000.000)	(54.000.000)
- Trích quỹ từ thiện	-	
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.789.348.087	13.649.678.074
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong quý (CP)	17.134.387	13.079.723
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)	454,6	1.044

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Quý này</u>	<u>Quý trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	50.931.283.878	47.664.023.271
- Chi phí nhân công	9.159.714.551	9.972.931.959
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.979.751.488	3.777.690.234
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.024.173.577	28.432.563.867
- Chi phí khác	1.314.982.534	1.163.412.680
Cộng	95.409.906.028	94.010.622.011

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (ĐƠN VỊ TÍNH: VND)**1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Quý này</u>	<u>Quý này năm trước</u>
Tiền lương, thưởng, thù lao	1.953.482.077	1.257.745.000
Cổ tức nhận trong kỳ	8.138.833.825	2.904.148.000
Cộng	10.092.315.902	4.161.893.000

4. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHÌ

Địa chỉ: 45X1 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, Tp.Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Hoạt động bán thành phẩm (bánh phồng tôm, bột đậu, mì, hủ tiếu);
- Cho thuê cửa hàng, nhà trọ;
- Hoạt động khác.

Doanh thu của Công ty phát sinh trong quý chủ yếu từ hoạt động bán thành phẩm (bánh phồng tôm, bột đậu, mì, hủ tiếu).

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Quý này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	46.283.311.260	71.251.075.030	117.534.386.290
Giá vốn hàng bán	39.098.156.780	54.591.839.912	93.689.996.692
Lợi nhuận gộp	7.185.154.480	16.659.235.118	23.844.389.598

Quý này năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.171.747.698	69.519.017.581	114.690.765.279
Giá vốn hàng bán	35.904.148.640	48.945.936.381	84.850.085.021
Lợi nhuận gộp	9.267.599.058	20.573.081.200	29.840.680.258

5. Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp toàn bộ nhà xưởng và văn phòng làm việc, máy móc thiết bị và dây chuyền công nghệ đang có với giá trị còn lại của tài sản dùng thế chấp là: 73.843.372.246 đồng (xem thuyết minh V.8).

6. Khả năng hoạt động và kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

7. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ.

Đồng Tháp, ngày 18 tháng 4 quý 2019.

Người lập biểu

NGUYỄN LÝ NGỌC HẠNH

Kế toán trưởng

TRẦN VĂN THIỆU

Tổng Giám đốc



PHẠM THANH BÌNH

Số 03 / BC.HĐQT
V/v giải trình chênh lệch
LNST quý 1 /2019
so với cùng kỳ năm 2018.

TP.Sa Đéc, ngày 19 tháng 4 năm 2019

Kính gửi : Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước

Tên Công Ty : Công Ty cổ phần thực phẩm Bích Chi
Địa chỉ : 45x1 Nguyễn Sinh Sắc, Phường 2, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Thông Tư số 155/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ;

Căn cứ Báo cáo tài chính quý 1 năm 2019 của Công Ty cổ phần thực phẩm Bích Chi ,

Công Ty cổ phần thực phẩm Bích Chi xin giải trình về việc lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 1 năm 2019 chênh lệch giảm hơn 10% so với lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cùng kỳ năm 2018 :

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 1 năm 2018 : 13.703.678.074đồng

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 1 năm 2019 : 7.843.348.087đồng , giảm 42,76% so cùng kỳ năm 2018

Nguyên nhân :

- Nguyên vật liệu đầu vào tăng, giá bán sản phẩm không tăng kịp thời do có sự cạnh tranh về giá bán sản phẩm cùng loại.
- Chi phí khác tăng so với cùng kỳ năm 2018..

Trên đây là giải trình về lợi nhuận sau thuế TNDN quý 1 năm 2019 giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm 2018.

Trân trọng,

Chủ Tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc



Phạm Thanh Bình